

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024.

Căn cứ vào Thông báo kết quả hòa giải số 85/TB-TA và Phiếu báo phát gửi cho Ủy ban nhân dân thành phố Q.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị H - sinh năm 1963; cư trú tại tổ dân phố Q, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn H1 – sinh năm 1975; cư trú tại tổ dân phố Q, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Anh Huỳnh Thanh T – sinh năm 1996;

2/ Anh Nguyễn Tấn H2 – sinh năm 1994;

Cùng cư trú tại tổ dân phố Q, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3/ Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số D đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo pháp luật:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy bán đất vườn ở do ông Nguyễn Văn M là người viết vào ngày 31/10/1997, được Ban thôn Quyết Thắng xác nhận ngày 31/10/1997 giữa bên chuyển quyền sử dụng đất (người bán) ông Nguyễn Tấn H1 và bà Lý Thị Thu N với bên nhận chuyển quyền sử dụng đất (người mua) bà Bùi Thị H đối với phần đất có diện tích 180m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 355, tờ bản đồ số 6, phường T, thành phố Q (nay là một phần thửa đất số 218, tờ bản đồ số 22, phường T, thành phố Q) có hiệu lực pháp luật.

2.2. Công nhận bà Bùi Thị H được quyền sử dụng diện tích đất đo thực tế là 175,7m<sup>2</sup> (trong đó có 80m<sup>2</sup> đất ở và 95,7m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác) được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-1 theo sơ đồ địa chính thửa đất thuộc một phần thửa đất số 355, tờ bản đồ số 6, phường T, thành phố Q (nay là một phần thửa đất số 218, tờ bản đồ số 22, phường T, thành phố Q), có giới cận: Phía Đông giáp phần diện tích còn lại của thửa đất số 355, tờ bản đồ số 6 (nay là thửa đất số 218, tờ bản đồ số 22, phường T, thành phố Q; phía Tây giáp thửa đất số 220 và thửa đất số 219 cùng tờ bản đồ số 22, phường T, thành phố Q; phía Nam thửa đất số 219 và thửa đất số 236 cùng tờ bản đồ số 22, phường T, thành phố Q; phía Bắc giáp đường bê tông nông thôn.

Bà H được quyền sở hữu, sử dụng các vật kiến trúc, cây trồng gắn liền diện tích đất trên.

(Phần diện tích đất bà H được quyền quản lý, sử dụng có sơ đồ bản vẽ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của biên bản này).

2.3. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.4. Chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ 6.000.000 đồng; chi phí thẩm định giá tài sản là 8.000.000 đồng, tổng cộng là 14.000.000 đồng. Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Tấn H1 thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu 7.000.000 đồng chi phí tố tụng. Bà H đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên ông Nguyễn Tấn H1 phải hoàn trả lại cho bà H số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Tấn H1 phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP 894226, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 06746 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 22/7/2009 cho

hộ ông Nguyễn Tấn H1 đối với thửa đất số 355, tờ bản đồ số 6, diện tích 549m<sup>2</sup>, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đức Dũng**